

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẾN CẦU
TỈNH TÂY NINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 25/2020/HNGĐ-ST

Ngày 17/7/2020

“V/v Ly hôn và tranh chấp về
nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN CẦU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Chu Y.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Rễn;
2. Ông Nguyễn Hồng Phúc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Đình Quế Anh – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thảo Nguyên - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 368/2020/TLHNGĐ-ST ngày 11 tháng 12 năm 2019 về việc “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 6 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2020/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Phan Quốc H, sinh năm: 1967. Nơi cư trú: Số x đường số 09, Phường Phước Bình, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh. vắng mặt

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị H1, sinh năm: 1985. Nơi cư trú: ấp Bàu Tràm Lớn, xã Tiên Thuận, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 11/12/2019 và trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn ông Phan Quốc H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Nguyễn Thị H1 tổ chức lễ cưới năm 2009, đăng ký kết hôn tại UBND phường Phước Bình, Quận 9, Thành phố Hồ

Chí Minh vào ngày 09/01/2009. Ông bà chung sống hạnh phúc đến tháng 12/2018 thì phát sinh mâu thuẫn do không hợp tính tình và mâu thuẫn về kinh tế gia đình, bà H1 tự ý lấy đi tài sản chung của vợ chồng rồi bỏ đi. Ông bà ly thân từ tháng 12/2018 cho đến nay không có hàn gắn đoàn tụ. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể hàn gắn nên ông H yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà H1.

- Về con chung: Ông và bà H1 có 01 con chung tên Phan Trung K, sinh ngày 13/3/2009, cháu K bị bệnh tâm thần, sống chung với ông từ ngày ông và bà H1 ly thân, ông yêu cầu giao cho ông quyền nuôi con, không yêu cầu bà H1 cấp dưỡng.

- Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông H có đơn xin hòa giải xét xử vắng mặt.

* Bị đơn là bà Nguyễn Thị H1 đã được Tòa án tổng đạt triệu tập hợp lệ nhưng bà H1 vắng mặt, ngày 30/6/2020 bà H1 đến Tòa trình bày lời khai và có đơn xin xét xử vắng mặt.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 30/6/2020 bà H1 khai:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông H được mai mối tổ chức lễ cưới vào năm 2008, đến năm 2009 đăng ký kết hôn tại UBND phường Phước Bình, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh. Do không tìm hiểu từ trước nên từ khi bắt đầu chung sống giữa bà và ông H đã phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên gây gổ, ông H đánh đập bà nhiều lần, ông H không phụ giúp kinh tế gia đình, tình trạng này kéo dài nên vợ chồng chung sống không hạnh phúc. Bà đã nhiều lần đề nghị ly hôn nhưng ông H không đồng ý và đe dọa bà nên ngày 22/12/2018 bà bỏ nhà trốn về nhà cha mẹ ruột, vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay không có hàn gắn đoàn tụ. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể hàn gắn nên bà đồng ý ly hôn theo yêu cầu của ông H.

- Về con chung: Bà và ông H có 01 con chung tên Phan Trung K, sinh ngày 13/3/2009, cháu K bị bệnh tự kỷ không giao tiếp được, hiện tại cháu K sống chung với ông H. Bà đồng ý giao con cho ông H nuôi, bà không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Quá trình thụ lý, giải quyết cho đến khi đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục do Bộ luật tố tụng dân sự quy định; bà

H1 và ông H có đơn xin xét xử vắng mặt do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là đúng theo quy định tại Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 của Luật hôn nhân và Gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông H đối với bà H1; Áp dụng Điều 81, Điều 82 và Điều 83 giao cháu Phan Trung K cho ông H trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận ông H không yêu cầu bà H1 cấp dưỡng nuôi con. Không đặt ra xem xét giải quyết về tài sản chung. Về án phí: ông H phải chịu án phí, bà H1 không phải chịu án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Ông H khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà H1, bà H1 có nơi cư trú tại ấp Bàu Tràm Lớn, xã Tiên Thuận, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh nên TAND huyện Bến Cầu thụ lý giải quyết là đúng quy định về thẩm quyền tại khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Trong quá trình giải quyết, bà H1 đã được Tòa án cấp, tổng đạt, thông báo hợp lệ nhưng bà H1 vắng mặt, ngày 30/6/2020 Tòa án đã mở phiên tòa sơ thẩm lần 1 và ra Quyết định hoãn phiên tòa do bà H1 vắng mặt không có lý do lần thứ nhất, sau đó bà H1 đến Tòa và có đơn xin xét xử vắng đồng thời ông H có đơn xin hòa giải và xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là đúng theo quy định tại Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Ông H và bà H1 kết hôn trên cơ sở hôn nhân tự nguyện, đã được UBND phường Phước Bình, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận kết hôn số 05 ngày 09/01/2009 đúng theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình. Đây là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Xét về quá trình chung sống thì thấy rằng: Ông bà kết hôn và chung sống từ năm 2008, quá trình chung sống thường xuyên xảy ra mâu thuẫn về sinh hoạt, kinh tế gia đình dẫn tới đời sống vợ chồng không hạnh phúc. Ông bà ly thân từ tháng 12 năm 2018 cho đến nay không gặp nhau để giải quyết mâu thuẫn, hàn

gắn gia đình. Trình bày của các đương sự là phù hợp với kết quả xác minh thu thập chứng cứ về nguyên nhân phát sinh tranh chấp được Tòa án thực hiện trong quá trình giải quyết vụ án. Bà H1 đồng ý ly hôn theo yêu cầu của ông H nhưng do ông H có đơn xin vắng mặt hòa giải và xét xử nên Tòa án không tiến hành hòa giải được mà phải đưa vụ án ra xét xử. Xét thấy thời gian ông bà ly thân đã lâu, hôn nhân của ông bà đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được có cơ sở chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông H.

[2.2] Về con chung: Ghi nhận ông H và bà H1 thống nhất trình bày có 01 con chung tên Phan Trung K, sinh ngày 13/3/2009, yêu cầu giao cháu Phan Trung K cho ông H tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận ông H không yêu cầu bà H1 cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Về tài sản chung: Ông bà không có yêu cầu nên Tòa án không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí sơ thẩm: Ông Phan Quốc H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn theo quy định tại Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bà Nguyễn Thị H1 không phải chịu án phí.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Cầu tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Tòa án, nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Phan Quốc H đối với bà Nguyễn Thị H1.

2. Về con chung:

Giao cháu Phan Trung K, sinh ngày 13/3/2009 cho ông Phan Quốc H tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Bà Nguyễn Thị H1 không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bà Nguyễn Thị H1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Ông H, bà H1 không có yêu cầu nên Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Ông Phan Quốc H phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông H đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số: 0022250 ngày 11/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. Án phí ông H đã thi hành xong. Bà Nguyễn Thị H1 không phải chịu án phí.

5. Ông Phan Quốc H và bà Nguyễn Thị H1 có quyền kháng cáo theo trình tự thủ tục phúc thẩm lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV.TAT;
- VKSND huyện Bến Cầu;
- Chi cục THA Bến Cầu;
- UBND xã Long Chử;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Chu Y